

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/DSST

Ngày 15/5/2025

V/v: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Thul.

Ông Nguyễn Văn Tuyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 39A Hùng V, tổ 3, phường Diên H, thành phố P, G, có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Trịnh Thị T.

Địa chỉ: 63 Lê Hồng P, tổ 3, phường Diên H, thành phố P, G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2024 các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Giữa tôi và bà Trịnh Thị T là chỗ đồng hương, ban đầu bà T có rủ tôi hùn vốn làm ăn chung. Qua một thời gian tôi thấy công việc làm ăn của bà T không ổn định nên đã nhiều lần yêu cầu bà trả lại số tiền tôi đã cho vay và hùn hạp làm ăn. Sau nhiều lần làm việc chúng tôi không có được tiếng nói chung nên để bảo vệ quyền lợi của mình tôi đã gửi đơn khởi kiện ra Toà án nhân dân thành phố P và được Toà án

thụ lý giải quyết. Trong quá trình giải quyết, thẩm phán lúc này là bà Trần Thị H đã tổ chức cho các bên hoà giải, tại các buổi làm việc bà T chốt số tiền nợ và hứa hẹn cam kết sẽ trả cho tôi mỗi tháng 10.000.000 đồng, vì nghĩ và tin tưởng bà là người uy tín nên tôi đã thống nhất tại phòng Thẩm phán Trần Thị H bằng văn bản thoả thuận ngày 07/5/2025 với nội dung bà Trịnh Thị T còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 533.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 424.000.000 đồng; tiền lãi tính tới ngày 07/5/2024 là 109.000.000 đồng). Cũng tại buổi làm việc đó, qua sự động viên của thẩm phán và sự nài nỉ của bà T nên tôi đã rút đơn và cứ nghĩ bà T sẽ thực hiện đúng như cam kết. Tuy nhiên, kể từ khi viết văn bản thoả thuận cho đến thời điểm này bà T chỉ trả cho tôi được 10.000.000 đồng vào tháng 6/2024 và không có thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Nhận thấy lòng tin và quyền lợi của tôi bị ảnh hưởng nên tôi đã tiếp tục gửi đơn khởi kiện ra Tòa án.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho tôi tổng số tiền còn nợ là 523.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của khoản tiền gốc 414.000.000 đồng tính từ ngày 08/6/2024 cho đến khi giải quyết xong khoản vay cho tôi.

Bà Lê Thị T đã nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình gồm:

- 01 văn bản thoả thuận ngày 07/5/2024 hai bên chốt nợ số tiền nợ là 424.000.000đ (Bốn trăm hai mươi bốn triệu) tiền nợ gốc và 109.000.000đ (một trăm lẻ chín triệu) tiền nợ lãi do bà Trịnh Thị T viết và ký tên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trịnh Thị T đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bà Trịnh Thị T vắng mặt và không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị T trú tại: 63 Lê Hồng P, tổ 3, phường Diên H, thành phố P, G phải trả số tiền 523.000.000 đồng

(trong đó tiền gốc là 414.000.000 đồng; tiền lãi tính tới ngày 07/5/2024 là 109.000.000 đồng). Vì vậy, Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trịnh Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Qua lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào biên bản do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng việc bà Trịnh Thị T có viết giấy xác nhận nợ bà Lê Thị T vào ngày 07/5/2024 xác nhận còn nợ bà T số tiền 533.000.000 đồng (năm trăm ba mươi ba triệu đồng), bà T đã trả được số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng), tuy nhiên sau đó bà Trịnh Thị Thúy không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà Lê Thị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P buộc Trịnh Thị T phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 523.000.000 đồng (năm trăm hai mươi ba triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng, căn cứ vào văn bản thỏa thuận ngày 07/5/2024 giữa bà Lê Thị T và bà Trịnh Thị T có xác nhận bà T có nợ bà T số tiền 533.000.000 đồng (năm trăm ba mươi ba triệu đồng) trong đó 424.000.000 đồng tiền nợ gốc và 109.000.000đ tiền nợ lãi, tháng 6/2024 bà T đã trả được số tiền nợ gốc là 10.000.000đ nên nay bà T yêu cầu bà T phải tiếp tục trả số tiền 523.000.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu đồng) và lãi suất phát sinh của số tiền nợ gốc là 10%/năm.

[3] Bà Trịnh Thị T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như vậy mặc nhiên bà T đã chấp nhận việc có nợ của bà Lê Thị T số tiền 414.000.000đ nợ gốc và 109.000.000đ tiền nợ lãi, đồng thời xem như bà T đã từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

[4] Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 BLTTDS để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở văn bản thỏa thuận ngày 07/5/2024 bà Trịnh Thị T xác nhận có nợ bà Lê Thị T số tiền 424.000.000đ nợ gốc và 109.000.000đ nợ lãi, như vậy căn cứ vào Văn bản thỏa thuận nói trên xác định bà Trịnh Thị T tự nguyện viết giấy xác nhận và công nhận nợ bà T nợ bà Lê Thị T số tiền 533.000.000 đồng (năm trăm ba mươi ba triệu đồng), trong đó 424.000.000 đồng nợ gốc và 109.000.000đ tiền nợ lãi, quá trình thực hiện thỏa thuận bà T đã trả được số tiền

10.000.000đ, như vậy bà T còn phải tiếp tục trả nợ cho bà Lê Thị T số tiền 414.000.000đ (bốn trăm mười bốn triệu đồng) nợ gốc và 109.000.000đ (một trăm lẻ chín triệu đồng) tiền nợ lãi, nên việc bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà T số tiền là 523.000.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu đồng) là có căn cứ.

[5] Nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu buộc bà Trịnh Thị T phải chịu lãi số tiền 414.000.000đ (bốn trăm mười bốn triệu đồng) từ ngày từ ngày 08/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15/5/2025 là 342 ngày với lãi suất 10%/năm, xét thấy yêu cầu của bà T là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Lê Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trịnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

2. Buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 562.172.680đ (*Năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng*), trong đó tiền nợ còn phải trả là 523.000.000đ (gồm tiền nợ gốc là 414.000.000đ và tiền lãi 109.000.000đ) và tiền nợ lãi tính từ ngày 08/6/2024 đến ngày xét xử 15/5/2025 theo mức lãi suất 10%/năm là 342 ngày x 414.000.000đ x 10%/năm = 39.172.680đ (*Ba mươi chín triệu một trăm bảy mươi hai sáu trăm tám mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Trịnh Thị T phải chịu 26.486.907đ (*Hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn chín trăm lẻ bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng